

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 -6 - 2024
“Về việc Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm;

2. Bà Tô Thị Ninh;

- Thư ký phiên toà: Bà Lý Việt Thuý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Đinh Khánh Luyện- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cần Thị Lâm H**, sinh năm 1994

Địa chỉ: **Đ, thôn T, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.**

(Vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Mông Đức D**, sinh năm 1992

Địa chỉ: **Xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Cần Thị Lâm H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **H** và anh **Mông Đức D** có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** năm 2019. Trước khi kết hôn có tìm hiểu, hôn nhân là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc

được bình thường khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc nhau, đến đầu năm 2021 vợ chồng mâu thuẫn đỉnh điểm. Do vợ chồng không còn tình cảm chị H đã cùng con H1 về nhà bố mẹ đẻ tại Gia Lai sinh sống từ cuối năm 2021. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định chị và anh Mông Đức D có 01 con chung tên Mông Gia H2, sinh ngày 26/4/2020. Hiện cháu H2 đang do chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H và cháu H2 hiện đang ở Thôn T, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai, đang ở với bố mẹ đẻ chị H, chị H có nơi ăn chốn ở ổn định cùng bố mẹ đẻ. Chị trồng cà phê với thu nhập trung bình 10.000.000đ / tháng. Chị có đầy đủ điều kiện về nơi ăn, ở để đảm bảo nuôi con có điều kiện phát triển tốt. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công nợ: Chị H xác định vợ chồng không có công nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Mông Đức D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Mông Đức D có tình cảm và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H tự ý bỏ về nhà ngoại mặc dù gia đình đã khuyên bảo nhưng không được nên Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị H có đơn xin ly hôn, anh Duy nhất t.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mông Gia H2, sinh ngày 26/4/2020. Hiện cháu H2 đang do chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nhất trí để chị H trực tiếp nuôi con chung. Nhất trí việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ anh D là bà Ma Thị D1 và anh trai anh D là anh Mông Đức D2. Bà D1 và anh D2 cùng trình bày: Chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ khoảng năm 2019. Vợ chồng anh D và chị H ly thân từ đó cho đến nay. Gia đình đã nhiều lần khuyên bảo chị H nhưng chị H kiên quyết không về chung sống cùng anh D mà không có lý do.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh

Mông Đức D từ khi bị khởi kiện về việc ly hôn đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị **Cần Thị Lâm H** và anh **Mông Đức D** đều đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt. Vì vậy Toà án nhân dân huyện Định Hóa xét xử vắng mặt tất cả các đương sự tại phiên tòa là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **H** được ly hôn anh **D**. Về con chung: Chị **H** và anh **D** đều nhất trí giao chị **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Mông Gia H2** sinh 26/4/2020. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị **H**, anh **D** đều không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Toà án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị **Cần Thị Lâm H** và anh **Mông Đức D** có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** năm 2019. Trước khi kết hôn, có tìm hiểu, hôn nhân là tự nguyện. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị **Cần Thị Lâm H** và anh **Mông Đức D** là hợp pháp. Nay chị **H** có đơn xin ly hôn anh **Mông Đức D** và đề nghị giải quyết về con chung. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại **huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án chị **Cần Thị Lâm H** và anh **Mông Đức D** đều đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng trong vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **H** nhận thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **D** là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ

chồng có thời gian hòa thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Chị H và anh D đã nhiều lần được gia đình hoà giải nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân được vài năm nay. Như vậy, cho thấy giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, có mâu thuẫn, dẫn đến việc chị H xin ly hôn.

Từ thời điểm Toà án thụ lý vụ án cho đến nay chị H và anh D vẫn không thể hàn gắn tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nhất trí ly hôn. Anh D3 và chị H đều xác định vợ chồng đã ly thân vài năm nay. Quá trình chung sống tại gia đình bà D1 – mẹ đẻ anh D3 và anh D2 – anh trai anh D3 đều trình bày chị H và anh D3 đã ly thân được vài năm nay, gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh Duy nhất t. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, đúng thực tế. Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị H cần được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung xét thấy: Chị H và anh D3 có 01 con chung tên **Mông Gia H2**, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2020. Chị H và anh D3 đều nhất trí giao cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Mông Gia H2** cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Việc thống nhất này là hợp tình, hợp lý phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh D3 đều không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh D3 xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; 144; 147; 238; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Cần Thị Lâm H**. Chị **Cần Thị Lâm H** được ly hôn anh **Mông Đức D**.

2. Về con chung: Chị **Cần Thị Lâm H** và anh **Mông Đức D** có 01 con chung **Mông Gia H2** sinh ngày 26/4/2020. Giao cho chị **Cần Thị Lâm H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Mông Gia H2** cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **H**, anh **D** không đề nghị giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh **Mông Đức D** có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Chị **Cần Thị Lâm H** và anh **Mông Đức D** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị **Cần Thị Lâm H** phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006243 ngày 01 tháng 04 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã Trung Lương;
- Các đương sự;
- lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Thu Vân

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 9 năm 2109.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thuận;

2. Ông Phạm Đức Tuế.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019, về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Chị Hứa Thị Hương, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Xóm Nạ Mộc, xã Bình Yên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Lê Văn Sơn, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Xóm Nạ Mộc, xã Bình Yên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của những người tham gia tố tụng, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử thảo luận toàn bộ những vấn đề cần giải quyết của vụ án và đi đến biểu quyết với kết quả 3/3 nhất trí cụ thể như sau:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 2, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hứa Thị Hương và anh Lê Văn Sơn.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về con chung: Cháu Lê Thị Tâm, sinh ngày 17/4/1996 và Lê Văn Kiên, sinh ngày 21/6/1998, đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường lao động tự túc được. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về tài sản chung: Chị Hứa Thị Hương và anh Lê Văn Sơn đều xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Hứa Thị Hương và anh Lê Văn Sơn đều xác định không có. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về án phí: Chị Hứa Thị Hương phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008697 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa. Chị Hương đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA